萬能科技大學 114 學年度第 2 學期國際專修部(春季班)申請入學
成績查詢作業說明
HƯỚNG DẪN TRA CỨU HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ BÁO DANH TRỰC TUYẾN
TUYỂN SINH HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026 (HỌC KỲ MÙA XUÂN)
KHOA CHUYÊN TU QUỐC TẾ CỦA ĐẠI HỌC KHKT VẠN NĂNG

一、 開放查詢成績時間: 2026/11/04 12:00 起開放查詢。Thời gian mở tra cứu kết quả: Bắt đầu từ 12:00 ngày 04/11/2026.

二、 查詢成績網址: https://saip.vnu.edu.tw/admission/index.aspx
Trang web tra cứu kết quả : https://saip.vnu.edu.tw/admission/index.aspx

三、 選擇報名類別: Application of 1+4 International Foundation Program Spring Semester 2026
Chọn hạng mục báo danh: Đơn đăng ký Chương trình Dự bị Quốc tế 1+4 cho học kỳ mùa thu năm 2025-2026.

編號	考 試 名 稱
1	114學年度第2學期國際學生產學合作專班(春季班) Application of International Bachelor Degree Program of Industry-Academia Collaboration Spring Semester 2026 (Apply on line from 2025/10/1 to 2025/11/27 the application system will be closed at 16:00, November 27th , 2025)
2	114學年度外國學生申請入學春季班 Application of International Student Degree Program Spring Semester 2026 (Apply on line from 2025/10/1 to 2025/12/10 the application system will be closed at 16:00, December 10th , 2025)
3	114學年度第2學期國際專修部 Application of 1+4 International Foundation Program Spring Semester 2026 (Apply on line from 2025/9/22 to 2025/10/28 the application system will be closed at 16:00,October 28th , 2025)

四、 填寫身分證字號 ： 請輸入報名時所填寫之身分證字號
Điền số căn cước công dân: Vui lòng điền số căn cước đã điền khi đăng ký báo danh.

五、 填寫出生年月日: 請輸入出生年月日，請注意出生年需換算成中華民國年，西元年-1911=民國年 (如: 2006 年出生，換算民國年 2006-1911=95 年)
Điền ngày tháng năm sinh: Vui lòng điền ngày tháng năm sinh,,
lưu ý năm sinh phải chuyển đổi thành năm Trung Hoa Dân Quốc.
Công thức: năm dương lịch - 1911 = năm Trung Hoa Dân Quốc (Ví dụ: Sinh năm 2006, chuyển đổi thành năm Dân Quốc: 2006 - 1911 = 95).

【回主畫面】

114學年度第1學期國際專修部
Application of 1+4 International Foundation Program Fall Semester 2025

功能名稱	開放時間
我要報名(Apply here)～ 開放中～	起:2025/4/18 下午 03:00:00 迄:2025/5/29 下午 04:00:00

請輸入您要查詢的資料

身分證字號：

生日： 民國 年 月 日 登入

(填寫完以上查詢資料登入後，點選下列開放中的功能名稱，即可查詢資料內容)

狀態：未登入

查詢功能名稱	開放時間
查詢是否已完成報名 開放中～	起:2025/4/21 上午 09:00:00 迄:2025/6/3 下午 04:00:00

Vui lòng điền số căn cước đã điền khi đăng ký.

Điền ngày tháng năm sinh: Vui lòng điền ngày tháng năm sinh,,
lưu ý năm sinh phải chuyển đổi thành năm Trung Hoa Dân Quốc.
Công thức: năm dương lịch - 1911 = năm Trung Hoa Dân Quốc (Ví dụ: Sinh năm 2006, chuyển đổi thành năm Dân Quốc: 2006 - 1911 = 95).

六、 填寫完成後按”登入，送出查詢 Sau khi điền xong, chọn "登入Đăng nhập" để gửi và tra cứu.

七、 查詢成績

Kiểm tra kết quả đăng ký đã hoàn thành hay chưa

八、 成績查詢結果 Kết quả kiểm tra

九、 本次第一階段篩選年齡以 2007 年 1 月 1 日以後出生者，考生未符合年齡條件，未進入高中成績篩選階段。Ở đợt sàng lọc giai đoạn 1 lần này, độ tuổi được quy định dành cho những thí sinh sinh sau ngày 01/01/2007. thí sinh không đáp ứng điều kiện về độ tuổi không được vào giai đoạn sàng lọc điểm của bậc THPT.

十、 對甄試成績如有疑問可於規定時間內以傳真申請複查， 逾期恕不受理。Nếu thí sinh có thắc mắc về kết quả xét tuyển, có thể nộp đơn xin xem lại điểm bằng fax trong thời gian quy định; quá thời hạn sẽ không được giải quyết.

- 初試成績複查截止時間 2025 年 11 月 5 日(星期三)08:00 前 Hạn cuối nộp đơn xem lại điểm vòng sơ tuyển: trước 08:00 ngày Thứ Ba, 5/11/2025。
- 複查成績申請表下載：https://www.oia.vnu.edu.tw/DOC/oia/1065/7f7fee46-07c7-45dd-b04d-b6509ba4878e.pdf Tải về mẫu đơn yêu cầu phúc khảo điểm: https://www.oia.vnu.edu.tw/DOC/oia/1065/7f7fee46-07c7-45dd-b04d-b6509ba4878e.pdf

十一、 依據考生第一階段高中平均成績篩選，由各系訂定之面試名額，依考生高中平均總成績高低錄取進入第二階段面試。面試名單暨注意事項預計於 2025 年 11 月 5 日 10:00 公告於招生專區。
https://www.oia.vnu.edu.tw/5106?s=5107
Căn cứ theo sàng lọc điểm trung bình học lực THPT của thí sinh ở giai đoạn 1, mỗi khoa sẽ quy định chỉ tiêu phỏng vấn của mình và tuyển chọn những thí sinh có tổng điểm trung bình THPT cao hơn để vào giai đoạn 2 (phỏng vấn). Danh sách phỏng vấn và các lưu ý dự kiến sẽ được công bố vào lúc 10:00 ngày 05/11/2025 trên khu vực thông tin tuyển sinh: https://www.oia.vnu.edu.tw/5106?s=5107

十二、 各系預計面試名額如表列: Chỉ tiêu phỏng vấn dự kiến của từng khoa được liệt kê trong bảng dưới đây:

科系 Khoa ngành	面試名額 Số lượng phỏng vấn
資訊工程系 Khoa kỹ thuật thông tin	43
精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	43
觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	50
行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	50